TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

03/**202**5/HNGĐ- ST
Ngày 10/02/2025
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN **SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm *phán - Chủ toạ phiên toà: Bà* Phạm Thị Thùy Trâm

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Cao Lâm

2. Ông Ma Quốc Thể

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: **Bà** Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 486/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn *Văn T trình bày:*

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị L kết hôn ngày 01/02/1986 và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn ông bà được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, ông bà về sinh sống tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chung sống không có tình cảm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn đi lại, quan tâm, liên quan gì đến vấn đề kinh tế và tình cảm với nhau nữa. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị L.

1.2. Về con chung: Ông và bà Trần Thị L có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1986 và Nguyễn Anh T1, sinh năm 1989. Hiện nay cả 02 con đều trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

2. *Tại Biên bản lấy lời khai và quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà* Trần *Thị L trình bày:*

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn ngày 01/02/1986 và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khi kết hôn ông bà được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, ông bà về sinh sống tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không cùng quan điểm nên thường to tiếng với nhau. Từ năm 2014 đến nay bà và ông T sống ly thân, không liên quan gì đến vấn đề kinh tế hay tình cảm với nhau. Hiện nay ông T có đơn xin ly hôn, bà nhất trí. uy nhiên do bà còn bận công việc và điều kiện sức khỏe cũng không đảm bảo đến Tòa án nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt bà theo quy định của pháp luật. Bà giữ nguyên quan điểm có trong hồ sơ vụ án, không sửa đổi, bổ sung gì thêm.

2.2. Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1986 và Nguyễn Anh T1, sinh năm 1989. Hiện nay cả 02 con đều trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định được: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hai vợ chồng ông bà Thành L1 sinh sống tại tổ dân phố từ năm 1986, đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ đó. Cụ thể mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì thôn không nắm được, chỉ biết hiện tại bà L1 ở cùng con trai tại

thành phố T. Tuy nhiên mọi nghĩa vụ của công dân thì ông bà Thành L1 vẫn tham gia đầy đủ. Ông T và bà L1 có 02 con chung là Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1986 và Nguyễn Anh T1, sinh năm 1989, hiện nay cả 02 cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng, đều đi làm ăn ở nơi khác, không còn sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "Ly *hôn" của* ông Nguyễn Văn T: Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trần Thị L.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L đều xác định các con chung đều đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi (65 tuổi) thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên đề nghị miễn án phí cho ông T; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tố tụng: Ông* Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị L; bà Trần Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về "Ly *hôn"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên nguyên đơn ông Nguyễn Văn

T và bị đơn bà Trần Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/1986 tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 và ly thân từ năm 2014 đến nay. Bà L xác định thời điểm phát sinh mâu thuẫn là vào năm 2014 và cũng ly thân từ đó đến nay. HĐXX thấy rằng, tuy có sự mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự về thời điểm phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đương sự đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Như vậy, cuộc sống chung của vợ chồng ông T và bà L thực tế đã không còn tồn tại từ năm 2014 đến nay, ông bà đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không còn cùng nhau chung sống để chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của ông T và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là xử cho ông T được ly hôn với bà Trần Thị L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà L có 02 con chung là Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 19/12/1986 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 28/02/1989. Hiện nay anh Đ và anh T1 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi (65 tuổi) thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông T. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì *các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

***** *Tuyên xử:* ***Chấp*** nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc "Ly *hôn" đối* với bà Trần Thị L.

1. **Về quan hệ hôn nhân: Xử** cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trần Thị L (Giấy *chứng nhận kết hôn số 95 ngày 01/02/1986 do* UBND *xã C,* huyện *S, tỉnh Tuyên Quang cấp cho bà* Trần *Thị L và ông* Nguyễn *Văn T).*

2**. Về án phí:**

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) cho ông Nguyễn Văn T.

- Bà Trần Thị L không phải nộp án phí.

4**. Về quyền kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi ***nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã Cấp Tiến (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Ngô Cao Lâm - Ma Quốc Thể	**Phạm Thị Thùy Trâm**